



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thành phố Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức: Khai mạc vào lúc 08h30, thứ năm ngày 19/4/2018

2. Địa điểm tổ chức: Hội trường Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất; Số 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Nội dung đại hội: Đại hội đồng cổ đông sẽ thảo luận và thông qua những nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và Phương hướng hoạt động năm 2018;
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; Kế hoạch tiền lương và Đầu tư XDCB năm 2018;
- Tờ trình phê duyệt chi trả thù lao năm 2017 và đề xuất thù lao cho năm 2018;
- Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty & Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC;
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016 - 2021;
- Và các nội dung khác (nếu có).

Các tài liệu của đại hội được đăng tải trên Website của công ty theo đường link:

<http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Kính đề nghị Quý cổ đông truy cập Website của công ty để tra cứu hoặc tải các tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.



4. Thành phần tham dự và đăng ký tham dự Đại hội:

Thành phần tham dự đại hội bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền) theo danh sách cổ đông của Công ty thời điểm ngày 09/3/2018 do trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Để thuận tiện cho công tác tổ chức và phục vụ Đại hội, đề nghị Quý cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội, gửi Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự về cho Công ty trước 8h00 ngày 19/4/2018 theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Số 256, đường 27/4, phường Phước Hưng, TP Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người liên hệ: Chị Trần Thị Xuân Trinh

Số điện thoại: 0254.3823119 – Số di động: 0975 20 90 16 – Fax: 0254.3823120

Hoặc đăng ký tham dự bằng Email theo địa chỉ: tranthixuantrinh9016@gmail.com
Nội dung Email phải có thông tin đầy đủ theo như Giấy xác nhận tham dự ĐHDCĐ.

Trong trường hợp cổ đông không tham dự Đại hội hoặc không ủy quyền tham dự Đại hội, xem như Quý cổ đông đồng ý với tất cả những vấn đề được Đại hội biểu quyết thông qua.

Lưu ý:

Quý cổ đông đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo: Bản gốc CMND/Hộ chiếu để đăng ký tham dự đại hội. Hồ sơ ủy quyền cho người khác dự họp bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự theo mẫu, bản sao chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của cổ đông và Chứng minh nhân dân (bản gốc) của người được ủy quyền.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu HĐQT, VT.



Nguyễn Hữu Mạnh Cường



**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ**

**Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất**

1. Xác nhận tham dự Đại hội:

Tên cổ đông:
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại:
CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD số:..... cấp ngày..... tại.....
Họ và tên Người đại diện theo pháp luật/Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức:
.....
Số cổ phần sở hữu:cổ phần
(Bằng chữ:)

2. Ủy quyền tham dự Đại hội:

Ông/bà:
CMND/Hộ chiếu số: cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần
(Bằng chữ:)

và/hoặc

3. Đồng ý ủy quyền cho 01 trong các thành viên HĐQT Công ty có tên sau:

- | | | | | |
|--------------------------|----------------------------|----------------|-------|---------|
| <input type="checkbox"/> | Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường | - Chủ tịch | | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> | Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm | - Phó Chủ tịch | | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> | Ông Nguyễn Văn Thoại | - Thành viên | | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> | Ông Đỗ Khắc Tùng | - Thành viên | | cổ phần |
| <input type="checkbox"/> | Ông Nguyễn Thanh Bình | - Thành viên | | cổ phần |

4. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:

- Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất.
- Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc tại giấy ủy quyền này
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2018

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Trường hợp Cổ đông trực tiếp tham dự thì không ủy quyền thì chỉ xác nhận Mục 1.



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Thời gian: 8h30, thứ năm, ngày 19/4/2018

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất

Stt	Nội dung
1	Tiếp đón đại biểu, khách mời, cổ đông. Thống kê số lượng cổ đông tham dự đại hội.
2	Thông qua quy chế làm việc tại đại hội
3	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
4	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
5	Thông qua Chương trình đại hội
6	Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Thư ký đại hội
7	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018
8	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018
9	Thông qua các tờ trình về: - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017, phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; Kế hoạch tiền lương và Đầu tư XDCB năm 2018. - Phê duyệt chi trả thù lao người quản lý công ty năm 2017 và đề xuất mức thù lao cho năm 2018; - Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018;
10	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
11	Thông qua quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016 – 2021 và tiến hành bầu cử.
12	Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung Đại hội; Công bố kết quả bầu cử.
13	Thông qua Nghị quyết đại hội và Biểu quyết thông qua Nghị quyết đại hội
14	Tuyên bố bế mạc đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU
THỐNG NHẤT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 112 /TB-HĐQT

Thành phố Bà Rịa, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Về việc đề cử, ứng cử nhân sự bầu
bổ sung thành viên HĐQT độc lập
nhiệm kỳ 2016 - 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021 có 05 thành viên (trong đó có 1 thành viên HĐQT độc lập chiếm tối thiểu 20% tổng số thành viên Hội đồng quản trị). Tuy nhiên theo khoản 5 Điều 13 Chương III Nghị định 171/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định: “Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập”.

Để đảm bảo cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Chương III Nghị định 171/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, Hội đồng quản trị trân trọng thông báo đến quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016 – 2021 như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập dự kiến bầu bổ sung: 01 người
2. Điều kiện đề cử bổ sung chức danh thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Quyền đề cử: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị (khoản 3 điều 12 Điều lệ công ty);

- Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp 2014;

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

+ Không phải là người đang làm việc cho công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

+ Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

+ Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;



+ Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

+ Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

- Vui lòng xem chi tiết tại: <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>
- Thời hạn: Trước ngày 16/4/2018

Rất mong quý cổ đông xem xét giới thiệu 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập để hoạt động của Hội đồng quản trị sắp tới được duy trì tốt hơn và theo đúng quy định.

Sau thời gian này, cổ đông không đề cử ứng cử hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Nơi nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất

Số 256, đường 27/4, phường Phước Hưng, TP Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người nhận: Chị Trần Thị Xuân Trinh

Số điện thoại: 0254.3823119 – Số di động: 0975 20 90 16 – Fax: 0254.3823120

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu HĐQT, VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Mạnh Như

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Tôi tên là:

CMND số :Ngày cấp : Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú :

Địa chỉ liên lạc :

Trình độ học vấn : Chuyên ngành :

Hiện đang sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu : cổ phần.

(*Bằng chữ* : *cổ phần*).

Đề nghị Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất cho tôi được ứng cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ... tháng năm 2018

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỘC LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Kính gửi : **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất, đại diện cho ... cổ phần, tương đương với% vốn điều lệ của Công ty liên tục trong thời hạn sáu tháng kể từ thời điểm chốt danh sách cổ đông (Danh sách đính kèm ở trang sau), đề nghị Hội đồng quản trị cho chúng tôi được đề cử :

Ông (Bà):

CMND số : Ngày cấp: Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú :

Địa chỉ liên lạc :

Trình độ học vấn : Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu:cổ phần

Làm ứng cử viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Xin trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng..... năm 2018

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Họ tên ứng cử viên :

CMND số : Ngày cấp: Nơi cấp :

Địa chỉ thường trú :

STT	Họ tên cổ đông	CMND hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký tên xác nhận
1					
2					
3					
4					
5					
...					
Tổng cộng					
Chiếm tỷ lệ			% trên vốn điều lệ	

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho thành viên Hội đồng quản trị)

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND:
6. Nơi cấp: Ngày cấp :
7. Quốc tịch:
8. Dân tộc:
9. Quê quán:
10. Địa chỉ thường trú:
11. Điện thoại liên lạc:
12. Trình độ học vấn:
13. Trình độ chuyên môn:
14. Quá trình công tác:
15. Chức vụ hiện tại:
16. Chức vụ tại các tổ chức khác:
17. Hành vi vi phạm pháp luật:
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:
19. Số cổ phần sở hữu và đại diện: cổ phần (tỷ lệ%)

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: cổ phần (.....%)

+ Đại diện: cổ phần (.....%)

20. Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2018

Người khai

Số: /BC-HĐQT

Bà Rịa, ngày 06 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và các quy định pháp luật liên quan. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2018 về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

PHẦN I:
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Về nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Thống Nhất hiện tại gồm có 5 thành viên:

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Thoại	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Khắc Tùng	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập

2. Các cuộc họp:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã họp 5 phiên và ban hành 05 nghị quyết, 02 quyết định để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã đánh giá công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017.

Từng thành viên HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc tham gia lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đã có những ý kiến cụ thể thiết thực giúp cho Ban Tổng giám đốc điều hành tốt hoạt động điều hành của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị thẳng thắn góp ý, phản biện nhằm tìm ra những ý kiến đúng đắn để lãnh đạo tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Trong năm Hội đồng quản trị đã kịp thời ban hành các Nghị quyết mang ý nghĩa quyết định, định hướng cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

3.1. Báo cáo tóm tắt Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2017 tình hình Kinh tế - Xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có những dấu hiệu khởi sắc, tăng trưởng kinh tế cả năm đạt mức 6,81%, trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,07% ;

Tình hình thị trường cao su thế giới năm 2017 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do lượng tồn kho nhiều, nhu cầu tiêu thụ cao su của thế giới chậm vì các nền kinh tế phục hồi yếu và không đồng đều. Mặc dù từ cuối năm 2016 giá cao su có tăng lên nhưng đến tháng 3 năm 2017 giá giảm xuống và giảm liên tục đến cuối năm.

Đối với Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2017 cũng gặp không ít khó khăn như thiếu lao động khai thác mỏ, mật độ cây cao ít, năng suất thấp, cây gãy đổ do gió lốc ... Bên cạnh đó, ảnh hưởng của thời tiết đã làm vụ mùa điều mất mùa, giá nguyên liệu điều thô tăng cao, công ty không thực hiện phương án thu mua, chỉ thực hiện gia công. Tuy nhiên, với sự năng động Hội đồng quản trị, sự điều hành tận tâm của Ban Tổng giám đốc cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể người lao động trong công ty đã góp phần thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch SXKD năm 2017.

Về thực hiện kế hoạch sản lượng, đã khai thác được 1.388,89 tấn mù quy khô, đạt 108,51 % kế hoạch, năng suất bình quân 1,5 tấn/ha. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức tốt việc thu mua 477 tấn mù quy khô từ vườn cây tư nhân trên địa bàn để chế biến, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Năm 2017, Công ty đã tiêu thụ được 1.100,13 tấn cao su SVR; 518,53 tấn cao su RSS và 135,38 tấn mù cao su tạp. Giá bán cao su các loại bình quân 36,73 triệu đồng/tấn với tổng doanh thu Công ty năm 2017 là 102,73 tỷ đồng đạt 121,89% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 26,75 tỷ đồng, tỷ lệ 127,20% kế hoạch năm. Từ hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã chăm lo tốt đời sống người lao động với thu nhập bình quân 7,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 40% so với năm 2016, đồng thời đã nộp ngân sách cho Nhà nước 7,33 tỷ đồng. Hội đồng quản trị đã quyết định trình Đại hội cổ đông quyết định chi trả cổ tức năm 2017 với mức 9%/mệnh giá.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản năm 2017 như sau:

S TT	Chỉ tiêu	Đ V T	Năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % 2017 so với 2016
1	Sản lượng khai thác	Tấn	1.141,63	1.280,0	1.388,89	108,51	121,66
2	Sản lượng thu mua	Tấn	55,46	500,0	476,92	95,38	859,94
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.400,00	1.278,0	1.754,44	137,28	125,32
4	Giá bán bình quân	Tr.đ/ tấn	27,60	40,0	36,73	91,8	133,08
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	86,54	84,28	102,73	121,89	118,71
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22,54	21,03	26,75	127,20	118,68
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	8	6-8	9	113%	113%

3.2 Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị năm 2017:

Ngành cao su tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn như sự phục hồi yếu của nền kinh tế thế giới, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, hoạt động của thị trường hàng hóa kém sôi động, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta. Kinh tế trong nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu, tình trạng nắng hạn khốc liệt đã ảnh hưởng đến vườn cây cao su, những tháng cuối năm mưa lớn kéo dài làm ảnh hưởng đến công tác khai thác và thu hoạch mủ. Bám sát tình hình đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc công ty theo sát từng hoạt động sản xuất kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc; Giải quyết linh hoạt, kịp thời từng vấn đề vướng mắc trong sản xuất. Đặc biệt, Hội đồng quản trị đã quyết liệt trong việc tiết giảm chi phí sản xuất, bảo đảm thu nhập cho người lao động.. .

Về hoạt động tuân thủ pháp luật: Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ pháp luật trong hoạt động quản trị của công ty. Từng thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động công ty theo đúng định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển công ty được ghi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

3.3.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty :

3.3.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

+ Về hoạt động sản xuất, kinh doanh : Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch do Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2017 đề ra;

+ Về chăm lo đời sống cho người lao động: Thu nhập bình quân của người lao động năm 2017 tăng cao hơn 2016 khoảng 33%; Các chính sách phúc lợi đối với người lao động đều được thực hiện ngày càng tốt hơn, tạo nên sự phấn khởi và an tâm đối với người lao động; Công ty đã tổ chức tốt hoạt động tham quan, nghỉ mát cho người lao động.

+ Về thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước: Công ty đã tính toán đúng và đầy đủ các khoản nộp ngân sách và đã thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp đúng hạn.

+ Về chấp hành pháp luật: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của TRC trong hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh.

+ Về quản trị rủi ro: Chưa xây dựng được hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro.

+ Về an sinh xã hội : Công ty đã tham gia đầy đủ các hoạt động an sinh xã hội; công tác bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn lao động .

3.3.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đạt kết quả tốt;

- Thực hiện báo cáo và công bố thông tin một cách đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn cho cơ quan quản lý, cổ đông và nhà đầu tư theo quy định của Pháp luật;

- Ban Tổng Giám đốc đã linh hoạt trong điều hành sản xuất kinh doanh, nắm bắt tình hình thị trường và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt kết quả cao.

3.3.3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ.

- Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện các cuộc kiểm toán tập trung vào tính tuân thủ của Báo cáo tài chính, đầu tư XDCCB và quy trình sản xuất nhằm:

+ Duy trì việc giám sát tình hình tài chính, đầu tư, sản xuất kinh doanh và tình hình quản trị điều hành của Ban TGD Công ty.

+ Giám sát tình hình hoạt động và kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết và các quyết định của HĐQT; Giám sát việc thực hiện quy chế, quy định của Công ty ban hành.

PHẦN II: **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

Năm 2018 dự báo giá cao su có xu hướng biến động trong biên độ hẹp do nhiều nguyên nhân, trong đó các nguyên nhân chính là nguồn cung dư thừa.

Theo dự báo thời tiết của cơ quan Khí tượng thủy văn Trung ương cho thấy 5 tháng đầu năm 2018 tiếp tục duy trì trạng thái Lanina, mưa nhiều và mùa mưa đến sớm. Lượng mưa tháng 4 và 5 ở Nam bộ và Tây nguyên cao xấp xỉ 15-30% so với cùng kỳ năm 2017. Do đó, mùa khai thác mủ khả năng sẽ bắt đầu sớm. Các giống cây cao su thâm canh thì mưa nhiều, lượng mưa phân bổ nhiều tháng trong năm 2018 sẽ cho năng suất, sản lượng cao. Tuy nhiên mưa nhiều thì khả năng ảnh hưởng đến công tác thu hoạch mủ. Năm 2018 Công ty có kế hoạch thanh lý và chuyển đổi cây trồng cho toàn bộ diện tích cao su trên đất hạng IVb có năng suất thấp, không hiệu quả sang trồng các loại cây ăn quả theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và dự báo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018. Hội đồng quản trị đã giao kế hoạch năm 2018 cho Ban Tổng Giám đốc công ty với một số chỉ tiêu chính sau:

Sản lượng cao su khai thác: 1.243,0 tấn

Sản lượng cao su thu mua: 453,tấn

Sản lượng điều gia công: 2.400 tấn nguyên liệu

Sản lượng tiêu thụ: 1.660 tấn

Giá bán bình quân dự kiến (Cao su SVR3L & RSS1-3): 35,5,0 triệu đồng/tấn

Tổng doanh thu: 100.000,0 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 25.000, 0 triệu đồng

Lợi nhuận sau thuế: 22.500,0 triệu đồng

Tỷ lệ chi trả cổ tức tối thiểu 7% mệnh giá.

Về định hướng phát triển :

+ Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức tại các đơn vị trực thuộc và các phòng , ban trong công ty để bảo đảm cho công tác quản trị hiệu quả hơn;

+ Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho doanh nghiệp;

- + Quy hoạch nguồn nhân lực kế thừa và đáp ứng đầy đủ yêu cầu công tác phù hợp với nhiệm vụ của giai đoạn hiện nay;
- + Thực hiện việc trồng xen canh trên vườn XDCB để tiết giảm suất đầu tư;
- + Hoàn thiện việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- + Thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- + Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trong công ty và phát triển bộ phận phân tích thị trường và chăm sóc khách hàng;
- + Quản lý tốt chất lượng sản phẩm;
- + Quan tâm và ổn định đời sống cho người lao động trong công ty;

Với sự đoàn kết và quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên, nhất định Công ty sẽ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 mà Đại hội cổ đông đề ra, góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển, nâng cao thương hiệu, hình ảnh và uy tín của công ty trên thị trường.

Nơi nhận :

- Các cổ đông;
- Sở GD&ĐT TP.HCM
- Các thành viên HĐQT và BKTNB.
- Lưu: VT, Thư ký công ty.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /BC-TRC

Bà Rịa, ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017
VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

1.1. Tổng diện tích vườn cây là 2.063,78 ha, trong đó diện tích cao su khai thác là 925,97 ha và diện tích chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản là 1.137,81 ha

1.2. Sản lượng khai thác mủ: Năm 2017 Công ty khai thác được 1.388,89 tấn mủ quy khô, đạt 108,51 % kế hoạch, năng suất bình quân 1,5 tấn/ha.

1.3. Công tác chế biến:

+ Kế hoạch chế biến mủ cao su năm 2017 là 1.730 tấn, thực hiện 1.920 tấn đạt 111% kế hoạch năm. Trong đó: Cao su SVR: 1.363 tấn, đạt 110,8% KH năm (1.230 tấn). và Cao su RSS: 557 tấn, đạt 111,4% KH năm (500 tấn).

Cả 2 Nhà máy đều đạt MTCL đề ra: Nhà máy chế biến cao su Bàu Non đạt 99,66% SVR3L và Nhà máy chế biến cao su Phong Phú đạt 99,16 % RSS1-3.

+ Chế biến gia công hạt điều trong năm 2017 là 2.302,5 tấn nguyên liệu, đạt 95,94% KH (2.400 tấn), thu hồi nhân: 591,49 tấn. Sản lượng gia công điều đạt thấp là do trong tháng 2, 3 đối tác cung cấp nguyên liệu ít.

1.4. Công tác thu mua cao su:

Năm 2017 Công ty triển khai phương án thu mua mủ tiểu điền, bước đầu thực hiện sản lượng thu mua còn khiêm tốn nhưng là điều kiện để cọ sát thị trường, nắm bắt thông tin giá cả thị trường, có thêm nguồn nguyên liệu cung cấp cho 02 Nhà máy chế biến nhằm tăng công suất chế biến và tiền lương cho người lao động.

Tổng lượng công ty thu mua trong năm là 476,92 tấn, trong đó; Nhà máy Bàu Non mua: 433,97 tấn; NTCS Phong Phú: 42,95 tấn.

1.6. Tiêu thụ cao su :

- Mủ cao su SVR3L: 1.100,tấn đạt 138% KH năm (800 tấn).

- Mủ cao su RSS: 518,5 tấn, đạt 130% KH năm (400 tấn).

- Mủ tạp (chưa quy khô): 135,38 tấn, đạt 173,56 % KH năm (78 tấn).

Giá bán bình quân: 37,63 triệu đồng/tấn SVR-3L, 34,81 triệu đồng/Tấn RSS, giá bán bình quân tăng hơn 9,14 triệu đồng/tấn so với năm 2016.

2. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2017.

Do thực hiện tốt các biện pháp kiểm soát chi phí trong sản xuất để giảm giá thành nhằm tăng lợi nhuận. Do đó công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2017, kết thúc thắng lợi kế hoạch Nhà nước giao theo Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 08 tháng 5 năm 2017 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác : 102,73 Tỷ đồng, đạt 121,89 % KH (84,28 Tỷ đồng)
- Lợi nhuận trước thuế : 29,32 Tỷ đồng, đạt 125,93 % KH (23,28 Tỷ đồng)
- Lợi nhuận sau thuế : 26,75 Tỷ đồng, đạt 127,20 % KH (21,03 Tỷ đồng).
- Nộp Ngân sách : 7,33 Tỷ đồng, đạt 104,71 % KH (7,0 Tỷ đồng).

3. Hoạt động đầu tư :

3.1. Hoạt động đầu tư XDCB nội bộ :

Trong năm 2017, Công ty hoàn thành việc chăm sóc cho 1.137,8ha vườn cây cao su kiến thiết cơ bản. Bên cạnh đó công ty cũng đã đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình như: Đầu tư dây chuyền chế biến mủ từ RSS theo công nghệ cửa lạng; Làm đường lô 7,7 km tại NTCS Hòa Bình 2, phục vụ cho vận chuyển mủ, công nhân đi làm việc tại NTCS Hòa Bình 2 và tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển SXKD....

3.2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty đầu tư vào Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Nông Lâm Sản Và Phân Bón Bà Rịa (Baria Serece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811, Tr.đồng theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này; Việc đầu tư vào Baria Serece mang lại kết quả cao, hàng năm Công ty đều được chia cổ tức:

+ Năm 2014 & 2015: 18,39 tỷ đồng

+ Năm 2016: 14,69 tỷ đồng

+ Năm 2017: dự kiến là 14 tỷ đồng

4. Công tác thực hiện tiền lương và chế độ chính sách đối với người lao động.

- Đến thời điểm 31/12/2017, tổng số người lao động trong công ty là 393 người, lao động bình quân trong năm 2017 là 376 người. Tổng quỹ lương thực hiện trong năm là 33,1 tỷ đồng. Kết quả thu nhập bình quân năm 2017 ước đạt 7,4 triệu đồng/người/tháng, trong đó tiền lương bình quân ước đạt 7,1 triệu đồng/người/tháng

- Công tác trích lập, quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi hàng năm được thực hiện trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Trích nộp kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo Luật công đoàn và Luật BHXH. Trong năm 2017 thực hiện:

+ BHXH: 4.545.454.430 đồng.

+ BHYT: 795.988.260 đồng.

+ BHTN: 353.450.770 đồng.

+ KPCĐ: 212.101.000 đồng.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ quy định trong Chính sách phúc lợi như: Tặng quà vào các dịp đặc biệt như: Ngày lễ, ngày tết, ngày thành lập Công ty, ngày tổ chức lễ cưới, ngày sinh nhật, Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung Thu, 8/3, 20/10; Khen thưởng lao động xuất sắc hàng tháng... Cụ thể năm 2017:

- Bồi dưỡng nặng nhọc độc hại bằng hiện vật với số tiền: 98.192.000 đồng.

- Tặng quà sinh nhật cho Người lao động: 79.900.000 đồng.

- Tặng quà Người lao động nhân kỷ niệm Ngày thành lập Công ty: 64.400.000 đồng.

- Tặng quà cho nữ công nhân lao động nhân ngày 8/3, 20/10 với số tiền: 34.400.000 đồng.

- Khen thưởng lao động xuất sắc hàng tháng: 26.800.000 đồng.

- Tổ chức cho 100% người lao động tham quan, nghỉ mát tại Vương quốc Campuchia

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đo môi trường làm việc...

5. Thành tích đạt được:

- Công ty vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng II”.

- Công đoàn cơ sở Công ty được Liên đoàn lao động Tỉnh BR-VT tặng bằng khen “*Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2017*”.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Công ty đạt danh hiệu “Xuất sắc”.

6. Công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

- Kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị, dụng cụ PCCC, trang bị thiết bị chữa cháy phun bột trong kho chứa mủ. Thực hiện nhiệm vụ phòng chống cháy tại các Nhà máy, Xí nghiệp chế biến, các Nông trường như: làm đường ngăn lửa chung quanh nhà máy, vườn cây cao su, trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC, quét lá, dọn dẹp vệ sinh, tổ chức trực gác lửa trong suốt mùa khô.

- Phối hợp với phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy số 4 tổ chức diễn tập phương án PCCC cho Người lao động Nhà máy Bàu Non. Đồng thời diễn tập ứng phó tràn đổ hóa chất, sơ cứu thương cho 02 Nhà máy chế biến cao su.

- Kiểm định thiết bị theo đúng quy định yêu cầu nghiêm ngặt ATLĐ.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho Người lao động đúng quy định, tiêu chuẩn theo ngành nghề.

7. Công tác bảo vệ môi trường.

Năm 2017 Công ty luôn chấp hành các quy định pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện báo cáo giám sát môi trường 02 lần/năm cho 03 đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty.

- Định kỳ hàng quý Công ty thực hiện kê khai và đóng phí chất thải thông thường, phí nước thải công nghiệp, đóng thuế tài nguyên nước đầy đủ theo quy định.

- Định kỳ 6 tháng một lần thực hiện báo cáo đầy đủ về: tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước ngầm; xả thải; báo cáo an toàn hóa chất; báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên Môi trường, Chi cục Bảo vệ Môi trường Tỉnh. Phòng Tài nguyên - Môi trường các Huyện, Thành phố, Sở Công Thương. Có kế hoạch khắc phục khí thải tại các lò sấy củi.

8. Một số công tác khác.

- Trong năm 2017 đã tiến hành nâng cấp 02 Hệ thống quản lý lên phiên bản mới. Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert đã tiến hành đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 của Công ty vào ngày 25 và 26/9/2017 và đánh giá sát định kỳ sản phẩm cao su thiên nhiên SVR3L, SVR5 đạt tiêu chuẩn TCVN 3769:2016 . Công ty đã được Trung tâm Quacert ra quyết định cấp giấy chứng nhận số 6666/QĐ-QUACERT, ngày 07/11/2017 V/v Cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý và quyết định số 6670/QĐ-QUACERT, ngày 07/11/2017 V/v Cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn. Công ty đã công bố hợp chuẩn cho sản phẩm SVR 3L, SVR 5 theo TCVN 3769:2016

- Công ty đã đăng ký cấp quyền sử dụng “Nhãn hiệu Cao su Việt Nam” và đã được Hiệp hội Cao su Việt Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng “Nhãn hiệu Cao su Việt Nam’ đối với sản phẩm SVR3L được sản xuất tại Nhà máy chế biến cao su Bàu Non (ngày 7/12/2017).

9. Những biện pháp, giải pháp đã thực hiện để đạt được kết quả SXKD, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2017:

- Tập trung nâng cao hiệu quả trên cơ sở tăng năng suất, sản lượng, chất lượng, tiết giảm chi phí hợp lý trong khai thác, chế biến cao su và đầu tư chăm sóc vườn cây XDCB, cụ thể:

+ Bố trí chế độ cạo phù hợp với điều kiện lao động và năng lực vườn cây để khai thác tốt sản lượng (tăng cường cạo d/3). Đồng thời tăng cường công tác bảo vệ, quản lý giữ mù qua đêm để tận thu mù tạp.

- Tiết kiệm tối đa các chi phí sản xuất như : vật tư trang bị vườn cây, công cụ, dụng cụ, nước, điện sản xuất và sinh hoạt, hóa chất, củi chất đốt (tận dụng gốc cao su thanh lý)...

+ Sử dụng thuốc phòng trị khô miệng cao Rublatex, đồng thời tiếp tục thử nghiệm Rublatex thay cho thuốc kích thích Stimulutex 2,5% mang lại kết quả khả quan như: tăng đáng kể số lượng cây khai thác trên một phần cao khi những cây khô miệng cao hoàn toàn phục hồi và cho mủ trở lại (khoảng 70%), hiệu quả kích thích mủ gia tăng và duy trì ổn định trong nhiều phiên cao .

+ Tăng cường các biện pháp quản lý kỹ thuật quản lý dịch hại trên vườn cây, phòng trị kịp thời các sâu bệnh hại, đảm bảo cây cao su sinh trưởng tốt.

+ Quản lý chặt chẽ suất đầu tư chăm sóc vườn cây XDCB, cơ giới hóa trong các công đoạn, hạn chế các phát sinh ngoài dự toán để đảm bảo thực hiện chủ trương tiết kiệm.

+ Áp dụng cơ giới hóa cho vườn cây KTCB cụ thể là phát cỏ trên hàng bằng máy phát cỏ và cày tủ gốc, kết quả đã giảm đáng kể chi phí đầu tư chăm sóc vườn cây và rút ngắn thời gian thi công kịp thời vụ.

+ Bón phân theo nhu cầu dinh dưỡng của đề án Phân tích đất, lá cao su chuẩn đoán dinh dưỡng theo khuyến cáo của Hiệp hội cao su Việt Nam.

II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018

1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

1.1. Dự báo về thị trường Cao su và giá cả sản phẩm Cao su:

Năm 2018 dự báo thị trường cao su không có nhiều triển vọng. Mặc dù Hội đồng Cao su Quốc tế 3 bên (ITRC) đang nỗ lực bình ổn giá trước tình trạng giá cao su đang giảm mạnh do nhiều nguyên nhân mà nguyên nhân chính là nguồn cung dư thừa. Chỉ tính riêng Thái Lan một năm sản xuất 5 triệu tấn cao thiên nhiên. Tổng sản lượng sản xuất cao su thiên nhiên của 3 nước Thái Lan, Malaysia, Indonesia chiếm khoảng 70% tổng sản lượng cao su thiên nhiên của thế giới.

ITRC sẽ cắt giảm xuất khẩu 350.000 tấn cao su để bình ổn giá, đồng thời áp dụng cơ chế hạn ngạch xuất khẩu (AETS), 3 nước sẽ không xuất khẩu cao su cùng khung thời gian...

Bên cạnh đó, yếu tố về giá dầu cũng tác động đáng kể đến giá cao su. Theo dự báo của nhà Kinh tế trưởng ngân hàng tái thiết và phát triển Châu Âu dự báo giá dầu năm 2018 dao động từ 60-65 USD/thùng, chỉ tăng 5 USD/thùng so với giá hiện tại. Trong tương lai giá dầu sẽ giảm xuống vì ngày càng có nhiều nước chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và các công nghệ mới ít tiêu tốn năng lượng.

1.2. Dự báo về năng suất, sản lượng năm 2018:

Tình hình thời tiết cũng ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng vườn cây cao su; dự báo của cơ quan Khí tượng thủy văn Trung ương cho thấy năm 2018 xảy ra hiện tượng lanina, mưa nhiều hơn năm 2017 làm ảnh hưởng đến công tác cạo mủ và thu hoạch mủ cao su. Tuy nhiên đối với các giống cây cao su thâm canh thì mưa nhiều, lượng mưa phân bố nhiều tháng trong năm 2018 sẽ cho năng suất, sản lượng cao. Năm 2018 Công ty có kế hoạch thanh lý và chuyển đổi cây trồng cho toàn bộ diện tích cao su trên đất hạng IVb có năng suất thấp, không hiệu quả sang các cây trồng phù hợp cho hiệu quả kinh tế hơn. Do đó năng suất còn lại theo kế hoạch sẽ nâng lên.

1.3. Chỉ tiêu một số nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
1	Sản lượng mủ khai thác	Tấn	1.243
2	Sản lượng mủ thu mua	Tấn	453
3	Sản lượng điều gia công	Tấn nguyên liệu	2.400
4	Sản lượng cao su tiêu thụ trong kỳ	Tấn	1.660
5	Giá bán thành phẩm cao su bình quân	Tr.đồng/tấn	35,5
6	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	100.000
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.000
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.500
9	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	7.000
10	Tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức	%	>=7%

2. Giải pháp thực hiện.

- Đối với vườn cây khai thác ở 02 Nông trường: Chuyển chế độ cạo d/3 nếu đủ lao động. Trong trường hợp thiếu lao động tiếp tục áp dụng chế độ cạo d/4, không để trống vườn cây. Theo dõi tình hình sức khỏe vườn cây và phòng trị bệnh kịp thời. Sử dụng thuốc Rublatex vừa có tác dụng kích thích mủ vừa trị khô miệng cạo. Rèn luyện tay nghề cho công nhân yếu, kiểm soát độ DRC, tận thu sản phẩm mủ nước và mủ tạp, tăng cường công tác bảo vệ sản phẩm. Kiểm soát quy trình kỹ thuật chăm sóc và khai thác, đảm bảo kiểm soát chất lượng mủ khai thác theo yêu cầu tiêu chuẩn của Nhân hiệu Cao su Việt Nam. Áp dụng bón phân theo chuẩn đoán dinh dưỡng đất. Đây là những giải pháp nâng cao năng suất và sản lượng mủ cao su. Đối với diện tích Cao su khai thác trên đất IVb thì tiến hành thanh lý chuyển đổi mục đích cây trồng nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất. Tiến hành giao chỉ tiêu kế hoạch sản lượng cho 02 Nông trường một cách chuẩn xác và khoa học trên cơ sở hạng đất đã được xác định và năng lực vườn cây, điều kiện lao động.

- Đối với vườn cây chăm sóc KTCB: Chăm sóc vườn cây KTCB theo hướng tăng cường cơ giới, giảm hóa chất, thuốc diệt cỏ độc hại trên vườn cây, giảm lao động thủ công, bám sát định mức thực tế đảm bảo tiết kiệm tối đa vốn đầu tư XDCCB.

- Tiếp tục hợp đồng với đối tác xen canh trồng chuối, khoai lang trên vườn cao su XDCCB, tăng hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập, giảm suất đầu tư chăm sóc vườn

cao su XDCB. - Chăm sóc 5 ha chuối xen canh để rút kinh nghiệm thực tiễn áp dụng cho phát triển sản chuối xuất khẩu trong tương lai.

- Chăm sóc 8,98 ha keo lai tại NTCS Phong Phú. Chuyển đổi cây trồng cho toàn bộ diện tích đất IVb trồng cây cao su không phát triển tại NTCS Hòa Bình 2 vào kế hoạch thanh lý để trồng cây keo lai và một số cây ăn quả phù hợp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất. Triển khai thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên diện tích 73,0 ha tại NTCS Phong Phú .

- Đối với chế biến mủ cao su:

+ Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường thu mua mủ cao su tiêu điện và hợp đồng gia công mủ cao su tại hai nhà máy nhằm tăng công suất chế biến, tăng thu nhập cho công nhân và thu hồi khấu hao tài sản. Giám sát chặt chẽ nguyên liệu đầu vào để có sản phẩm đầu ra đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3769:2016 giữ uy tín và thương hiệu sản phẩm TRC cũng như Nhãn hiệu Cao su Việt Nam đã được Hiệp hội Cao su Việt Nam chứng nhận và cấp quyền sử dụng. Thực hiện kiểm soát và quản lý chất lượng sản phẩm mủ sản xuất theo quy định.

+ Trong tình hình hiện nay, vấn đề môi trường khu vực Nhà máy chế biến mủ Cao su Phong Phú luôn là điểm nóng vì gần khu dân cư. Hiện nay, Tỉnh đang có chủ trương di dời các nhà máy về Cụm công nghiệp xa khu dân cư. Do đó, Công ty sẽ tính đến phương án di dời Nhà máy chế biến mủ từ về sản xuất tập trung tại Nhà máy chế biến Cao su Bà Non. Trong tương lai Nông trường cao su Phong Phú sẽ chuyển dần diện tích Cao su sang sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chủ trương của tỉnh, vì vậy sản lượng mủ khai thác và chế biến sẽ giảm dần, việc di dời nhà máy là tất yếu.

- Đối với chế biến hạt điều:

+ Năm 2018, Xí nghiệp Phước Hưng tiếp tục hợp đồng gia công điều với Công ty TNHH Quilon Foods với quy mô 2.400 tấn/năm. Đây là cơ sở để phương án đầu tư máy móc thiết bị thu hồi được vốn đầu tư, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động ở Xí nghiệp Phước Hưng. Có giải pháp tìm kiếm, tuyển dụng lao động để nâng công suất chế biến lên 3.000 tấn/năm.

+ Bên cạnh đó theo dõi diễn biến thị trường điều, chọn thời cơ thuận lợi triển khai thương vụ mua điều về dự trữ chế biến hoặc kinh doanh điều nguyên liệu tạo ra doanh thu, lợi nhuận.

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Đây là bước đột phá của Công ty trong việc chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, phá thế độc canh cây cao su, vì thế Công ty sẽ triển khai mô hình này theo hình thức hợp tác liên kết với các Công ty có tiềm lực về vốn đầu tư, có thị trường xuất khẩu sản phẩm hoa quả, có kỹ thuật sản xuất và kinh nghiệm quản lý sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Trên đây là Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2018. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Sở GD&ĐT TP.HCM;
- Thành viên HĐQT;
- Ban KT&NB
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: /TTr-HĐQT

Thành phố Bà Rịa, ngày 06 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017; Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017

Kính thư Quý cổ đông,

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên sửa đổi lần thứ 6 thông qua ngày 29/6/2016;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán BDO tại TP.Hồ Chí Minh;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua với những nội dung như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I	Tổng tài sản:	Đồng	335.517.403.115
	<i>Trong đó:</i>		
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	192.493.741.521
2	Tài sản dài hạn	Đồng	143.023.661.594
II	Tổng nguồn vốn:	Đồng	335.517.403.115
	<i>Trong đó:</i>		
1	Nợ phải trả	Đồng	23.245.983.802
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	312.271.419.313
B	KẾT QUẢ KINH DOANH		
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	102.731.997.818
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	29.316.701.894
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	26.753.456.062

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	Đồng	26.753.456.062
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (tương đương 03 tháng lương thực hiện của người lao động)	Đồng	7.793.356.062
3	Trích quỹ Khen thưởng ban điều hành (1,5 tháng lương của người quản lý công ty chuyên trách)	Đồng	121.500.000
4	Thù lao của HĐQT, Ban kiểm toán năm 2017	Đồng	453.600.000
5	Chia cổ tức bằng tiền 9% mệnh giá	Đồng	17.325.000.000
6	Lợi nhuận còn lại trích quỹ ĐTPT	Đồng	1.060.000.000

3. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017:

Căn cứ vào hồ sơ Đăng ký tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 đã được Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt, cụ thể như sau:

- **Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người lao động:**

373 người x 7.132.372 đồng/người/tháng x 12 tháng = 31.924.497.072 đồng

- **Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người quản lý công ty:**

STT	Chức danh	Số tháng hưởng lương	Tiền lương thực hiện	Tổng quỹ tiền lương thực hiện
01	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12	38.000.000	456.000.000
02	Phó Tổng Giám đốc	12	24.300.000	291.600.000
03	Phó Tổng Giám đốc	11	18.218.182	200.400.000
	Tổng cộng			948.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐTN 2018;
- HĐQT, BKTNB;
- Lưu: VT, thư ký HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-HĐQT

Thành phố Bà Rịa, ngày 06 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; Kế hoạch tiền lương và Đầu tư XDCB năm 2018

Kính thưa Quý cổ đông,

Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/6/2016;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và dự báo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; Kế hoạch tiền lương và Đầu tư XDCB năm 2018 với những nội dung như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	100.000
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	25.000
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	22.500
4	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	7.000
5	Sản lượng cao su khai thác (Quy khô), trong đó:	Tấn	1.243
	<i>Mủ tinh (Quy khô)</i>	<i>Tấn</i>	<i>1.207</i>
	<i>Mủ tạp (Quy khô)</i>	<i>Tấn</i>	<i>36</i>

Kế hoạch sản xuất kinh doanh này chỉ đạt được trong điều kiện giá bán bình quân sản phẩm mủ cao su tiêu thụ trong năm 2018 đạt mức 35,5 triệu đồng/tấn và sản lượng tiêu thụ như kế hoạch đã đề ra. Trong trường hợp có thay đổi về giá bán bình quân và sản lượng tiêu thụ thì các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh sẽ thay đổi. Giao Ban Tổng Giám đốc công ty căn cứ theo thực tế thị trường và giá bán tại các đơn vị cùng quy mô để quyết định cho phù hợp.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU	MỨC TRÍCH
1	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt	$\geq 7\%$
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tối đa 03 tháng
3	Trích quỹ Khen thưởng người quản lý công ty	Tối đa 1,5 tháng
4	Trích quỹ Đầu tư phát triển	5%LNST
5	Phụ cấp HĐQT, Kiểm toán nội bộ & Thư ký	Tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân của người quản lý công

	ty chuyên trách x số người
--	----------------------------

3. Kế hoạch tiền lương năm 2018:

3.1 Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động:

357 người x 6.777.908 đồng/người/tháng x 12 tháng = 29.036.557.872 đồng

3.2. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý công ty:

STT	Chức danh	Số lao động bình quân	Lương cơ bản đồng/tháng	Tổng quỹ tiền lương thực hiện
01	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	32.000.000	384.000.000
02	Ban Tổng Giám đốc	3	22.666.667	816.000.000
	Tổng cộng	4		1.200.000.000

(Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn)

3.3. Giao HĐQT triển khai cho Ban TGD xây dựng quy chế và phương án trả lương cụ thể cho từng đơn vị, bộ phận trong công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất, quy mô hoạt động và bảo đảm khuyến khích người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3.4. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 được xác định trên cơ sở số lao động bình quân thực tế sử dụng và mức tiền lương bình quân thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Kế hoạch đầu tư trong năm 2018 với tổng mức vốn đầu tư là **11.112,triệu đồng**, bao gồm:

Trồng mới, chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản theo dự toán:	7.100,triệu đồng
Mua 03 máy bón phân	120,triệu đồng
Mua 02 Xe tải HINO DUTRO (4X2), tổng tải trọng 8.250 kg + Bồn chứa; Giá dự kiến mua không quá	1.600,triệu đồng
Mua 01 xe ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống để phục vụ hoạt động chung của Công ty; Giá mua không quá	1.092,triệu đồng
Xây bể chứa nước thải 350m ³ và thiết bị tại Nhà máy CBMCS Bàu Non; Chi phí đầu tư không quá	1.200,triệu đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐTN 2018;
- HĐQT, BKTNB;
- Lưu: VT, thư ký HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-HĐQT

Thành phố Bà Rịa, ngày 06 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt quỹ thù lao thực hiện năm 2017 và đề xuất mức thù lao kế hoạch cho năm tài chính 2018

Kính thưa Quý cổ đông,

Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/6/2016;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và yêu cầu công tác quản trị, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung như sau:

I. Phê duyệt quỹ thù lao thực hiện của người quản lý công ty năm 2017:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt quỹ thù lao thực hiện của người quản lý công ty năm 2017 cụ thể như sau:

- Số người quản lý công ty không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm: 07 người gồm 05 thành viên Hội đồng quản trị (Trong đó có 01 người kiêm trưởng ban kiểm toán nội bộ) và 02 thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

- Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách năm 2017 là: 27,0 triệu đồng/tháng

- Mức thù lao bình quân thực hiện năm 2017: 27,triệu đồng x 20% = 5,4 triệu đồng/người/tháng)

- Quỹ thù lao thực hiện năm 2017: 5,4 tr.đồng/tháng x 84 tháng = 453,6 tr.đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng)

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định chi trả cụ thể cho từng thành viên.

II. Đề xuất mức thù lao kế hoạch của người quản lý công ty năm 2018:

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt mức thù lao năm 2018 cụ thể như sau:

- Số người quản lý công ty không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm: 08 người, gồm 05 thành viên Hội đồng quản trị (Trong đó có 01 thành viên kiêm trưởng ban Kiểm toán nội bộ), 02 thành viên Ban kiểm toán nội bộ và 01 thư ký HĐQT.

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách năm 2018 là: 25,triệu đồng/người/tháng

- Mức thù lao bình quân kế hoạch được xác định bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách:

$25, \text{ triệu đồng/người/tháng} \times 20\% = 5,0 \text{ triệu đồng/người/tháng}$

- Quỹ thù lao kế hoạch: $5,0 \text{ triệu đồng/người/tháng} \times 8 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 480, \text{ triệu đồng}$
(Bằng chữ : Bốn trăm tám mươi triệu đồng)

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định chi trả cụ thể cho từng thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- *DHĐCĐTN 2018;*
- *HDQT, BKTNB;*
- *Lưu: VT, thư ký HDQT.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /TTr-HĐQT

TP.Bà Rịa, ngày 06 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018

Kính thưa Quý cổ đông,

Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/6/2016;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP.HCM.

Đây là đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và hiểu biết tình hình hoạt động của Công ty, được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết năm 2018;

Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCDTN 2018;
- HĐQT, BKTNB;
- Lưu: VT, thư ký HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-HĐQT

Bà Rịa, ngày 06 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

Kính thưa quý cổ đông,

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/nđ-cp ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét:

1/ Thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 7 để phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Bản Điều lệ bổ sung, sửa đổi lần thứ 7 này bao gồm 42 trang, có 21 chương 55 điều./.

2/ Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty để phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Quy chế này này bao gồm 33 trang, có 12 chương 65 điều./.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐTN 2018;
- HĐQT, BKTNB;
- Lưu: VT, thư ký HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Thành phố Bà Rịa, ngày 19 tháng 4 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đ? được quốc hội nước Cộng Hoà X? Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất sửa đổi lần thứ 6 đ? được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/6/2016;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số/BB- ĐHĐCĐ ngày 19/4/2018 của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất năm 2017 và Phương hướng hoạt động năm 2018.

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất.

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đ? được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2017; Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2017, cụ thể:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đ? kiểm toán:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I	Tổng tài sản:	Đồng	335.517.403.115
	<i>Trong đó:</i>		
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	192.493.741.521
2	Tài sản dài hạn	Đồng	143.023.661.594

II	Tổng nguồn vốn:	Đồng	335.517.403.115
	<i>Trong đó:</i>		
1	Nợ phải trả	Đồng	23.245.983.802
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	312.271.419.313
B	KẾT QUẢ KINH DOANH		
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	102.731.997.818
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	29.316.701.894
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	26.753.456.062

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	Đồng	26.753.456.062
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (tương đương 03 tháng lương thực hiện của người lao động)	Đồng	7.793.356.062
3	Trích quỹ Khen thưởng ban điều hành (1,5 tháng lương của người quản lý công ty chuyên trách)	Đồng	121.500.000
4	Thù lao của HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ năm 2017	Đồng	453.600.000
5	Chia cổ tức bằng tiền 9% mệnh giá	Đồng	17.325.000.000
6	Trích quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	1.060.000.000

- Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2017:

Căn cứ vào hồ sơ Đăng ký tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 đã được Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt, cụ thể như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người lao động:

373 người x 7.132.372 đồng/người/tháng x 12 tháng = 31.924.497.072 đồng

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người quản lý công ty:

STT	Chức danh	Số tháng hưởng lương	Tiền lương thực hiện	Tổng quỹ tiền lương thực hiện
01	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12	38.000.000	456.000.000
02	Phó Tổng Giám đốc	12	24.300.000	291.600.000
03	Phó Tổng Giám đốc	11	18.218.182	200.400.000
	Tổng cộng			948.000.000

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 4. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; Kế hoạch tiền lương và Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018, cụ thể:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	100.000.000.000
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	25.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	22.500.000.000
4	Nộp ngân sách nhà nước	Đồng	7.000.000.000
5	Sản lượng cao su khai thác (Quy khô)	Tấn	1.243
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Mủ tinh (Quy khô)</i>	<i>Tấn</i>	<i>1.207</i>
	<i>Mủ tạp (Quy khô)</i>	<i>Tấn</i>	<i>36</i>

Kế hoạch sản xuất kinh doanh này chỉ đạt được trong điều kiện giá bán b?nh quân sản phẩm mủ cao su tiêu thụ trong năm 2018 đạt mức 35,5 triệu đồng/tấn và sản lượng tiêu thụ như kế hoạch đ? đề ra. Trong trường hợp có thay đổi về giá bán b?nh quân và sản lượng tiêu thụ th? các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh sẽ thay đổi. Giao Ban Tổng Giám đốc công ty căn cứ theo thực tế thị trường và giá bán tại các đơn vị cùng quy mô để quyết định cho phù hợp.

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU	MỨC TRÍCH
1	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt	$\geq 7\%$
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tối đa 03 tháng
3	Trích quỹ Khen thưởng người quản l? công ty	Tối đa 1,5 tháng
4	Trích quỹ Đầu tư phát triển	5%LNST
5	Phụ cấp HĐQT, Kiểm toán nội bộ & Thư k?	Tối đa bằng 20% mức tiền lương b?nh quân của người quản l? công ty chuyên trách x số người

- Kế hoạch tiền lương năm 2018:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động:

- 357 người x 6.777.908 đồng/người/tháng x 12 tháng = 29.036.557.872 đồng

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản l? công ty:

STT	Chức danh	Số lao động b?nh quân	Lương cơ bản đồng/tháng	Tổng quỹ tiền lương thực hiện
01	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	32.000.000	384.000.000
02	Ban Tổng Giám đốc	3	22.666.667	816.000.000
	Tổng cộng	4		1.200.000.000

- (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn)

* Giao HĐQT triển khai cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng quy chế và phương án trả lương cụ thể cho từng đơn vị, bộ phận trong công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất, quy mô hoạt động và bảo đảm khuyến khích người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

* Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 được xác định trên cơ sở số lao động b?nh quân thực tế sử dụng và mức tiền lương b?nh quân thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và X? hội.

- Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Kế hoạch đầu tư trong năm 2018 với tổng mức vốn đầu tư là **11.112,triệu đồng**, bao gồm:

Trồng mới, chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản theo dự toán:	7.100,triệu đồng
Mua 03 máy bón phân	120,triệu đồng
Mua 02 Xe tải HINO DUTRO (4X2), tổng tải trọng 8.250 kg + Bồn chứa; Giá dự kiến mua không quá	1.600,triệu đồng
Mua 01 xe ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống để phục vụ hoạt động chung của Công ty; Giá mua không quá	1.092,triệu đồng
Xây bể chứa nước thải 350m ³ và thiết bị tại Nhà máy CBMCS Bàu Non; Chi phí đầu tư không quá	1.200,triệu đồng

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 5. Thông qua việc chi trả thù lao của người quản lý không chuyên trách hoặc kiêm nhiệm năm 2017 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2018, cụ thể:

- *Phê duyệt quỹ thù lao thực hiện của người quản lý công ty năm 2017:*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất chi trả mức thù lao năm 2017 là 453.600.000 đồng và uỷ quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên.

- *Đề xuất mức thù lao kế hoạch của người quản lý công ty năm 2018:*

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt mức thù lao năm 2018 cụ thể như sau:

+ Mức thù lao b?nh quân kế hoạch được xác định bằng 20% mức tiền lương b?nh quân kế

hoạch của người quản lý công ty chuyên trách:

25, triệu đồng/người/tháng x 20% = 5,0 triệu đồng/người/tháng

+ Quỹ thù lao kế hoạch: 5,0 triệu đồng/người/tháng x 8 người x 12 tháng = 480, triệu đồng

Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 6. Thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP.Hồ Chí Minh để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho công ty.

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 7. Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

Nghị quyết này đã được% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội chấp thuận thông qua.

Điều 8. Thông qua Quy chế bầu cử và Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung một thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2016 – 2021 với thành viên trúng cử như sau:

...

Điều 9. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày k?. Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Nghị quyết này theo chức năng hoạt động của mình, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như điều 9;
- UBCKNN, HOSE, VSD;
- UBNDTBRVT (Báo cáo);
- Lưu VT, thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Bà Rịa, ngày 19 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Đại diện được ủy quyền	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
IX. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ	32
Điều 36. Ban kiểm toán nội bộ	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	34
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	38
Điều 44. Năm tài chính	38
Điều 45. Chế độ kế toán	38
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	38
Điều 47. Báo cáo thường niên	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 48. Kiểm toán	39
XVII. CON DẤU	40
Điều 49. Con dấu	40
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	40
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	40
Điều 51. Gia hạn hoạt động	40
Điều 52. Thanh lý	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 54. Điều lệ công ty	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 55. Ngày hiệu lực	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất được thông qua lần thứ nhất vào ngày 26/05/2006 và được sửa đổi bổ sung lần thứ bảy (7) theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chính thức thông qua vào ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2014;

c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34, Điều 6 Luật Chứng Khoán;

e. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

f. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

g. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH12 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán; và các văn bản pháp luật liên quan khác.

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9, điều 6 Luật chứng khoán.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

+ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

+ Tên tiếng Anh: THONG NHAT RUBBER JOINT STOCK COMPANY

+ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

+ Tên viết tắt: TRC Mã chứng khoán : TNC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

+ Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT

+ Điện thoại: 0254.3823119

+ Fax: 0254.3823120

+ E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

+ Website: www.trc.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại điều 29 của Điều lệ này.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

- Trồng mới cao su (011321);

- Chăm sóc, khai thác, sơ chế (01419-014170), kinh doanh xuất khẩu cao su;

- Chế biến, nông sản, rau quả (1513);

- Kinh doanh nông sản (51212);

- Chế biến thức ăn gia súc (1533);

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm (0123);

- Chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng (20), (20291)(36);
- Dọn dẹp, san lấp tạo mặt bằng xây dựng (4511);
- Xây dựng công trình dân dụng; (4521) Xây dựng công trình công nghiệp (45221-452210); Xây dựng công trình giao thông (45222-452220); Xây dựng công trình thủy lợi (45223-452240), khai thác vật liệu xây dựng (141-1410);
- Khai thác khoáng sản (đất, đá, cát) (141) – Kinh doanh thu mua phế liệu;
- Đại lý tiêu thụ hàng hóa, máy móc thiết bị, ô tô, xe máy (501), vật tư (5159-5161);
- Kinh doanh nhà cửa, và bất động sản;(71)
- Cho thuê kho, bãi (7114-711400)
- Cho thuê phương tiện vận tải (7211)
- Góp vốn, mua cổ phần (651191)

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty :

+ Công ty được thành lập để huy động vốn của người lao động đang làm việc trong công ty; của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh. Giữ vững và phát triển thị trường hiện có, đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất – kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao; nâng cao uy tín, vị thế và phát triển thương hiệu của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty và các cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích của các cổ đông; tăng khoản thu thuế cho Ngân sách nhà nước; đóng góp vào các chương trình an sinh xã hội theo khả năng của Công ty.

+ Các mục tiêu khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000, đồng (*bằng chữ: Một trăm chín mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 19.250.000, cổ phần với mệnh giá là 10.000,đồng/cổ phiếu.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Họ tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của cổ đông sáng lập; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập theo quy định của Điều 26 Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có). Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ... (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn của ngân hàng thương mại một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm toán nội bộ (trực thuộc HĐQT)
- Tổng giám đốc.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm nghĩa vụ với Nhà nước, thuế và phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. (Các quyền đối với các loại cổ phần khác.)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 của Điều lệ này ;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Hội Đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Căn cước công dân), Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau :

a. Tham dự trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

d. Thanh toán các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác;

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường :

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty; và trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp

Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày (*tính từ ngày mà thông báo được gửi đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư*) trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn và phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn (link) đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, quốc tịch, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 18 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông quan trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh Nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại Hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

- b. Định hướng phát triển công ty; Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- d. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm, việc tổ chức lại hay giải thể công ty, quyết định đầu tư hoặc mua bán tài sản công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.
- e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- f. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông;
- j. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định

thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử : Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận với tỷ lệ quy định tại Điều 21 Điều lệ và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số cổ phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;

- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 05 đến 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác từ cấp giám đốc, quản đốc các đơn vị trực thuộc và các trường, phó phòng công ty (thông qua Tổng Giám đốc công ty) trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao để thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tài chính của công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Triển khai quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị từ 01 (một) tỷ đồng trở lên đến nhỏ hơn 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- q. Quyết định đầu tư và bán tài sản có giá trị từ 01 (một) tỷ đồng trở lên đến nhỏ hơn 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”.
- r. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá 500 triệu (Năm trăm triệu) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 5% giá trị kế hoạch sản xuất tài chính và kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông,

báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các quyền của Hội đồng quản trị được quy định điểm c,d,e khoản 2 Điều 27 Điều lệ này, được thể hiện

thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Hội đồng quản trị gần nhất; Chủ tịch Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách;

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó

không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm toán nội bộ có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

+ Tiểu ban nhân sự, Tiểu Ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên độc lập làm trưởng tiểu ban;

+ Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên;

+ Trong trường hợp không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương, thưởng và nhân sự.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị ;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc sản xuất và

kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Để bảo đảm cho việc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty đạt hiệu quả, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị có thời gian tham gia thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba mươi sáu (36) tháng và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền

lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX . BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 36. Ban kiểm toán nội bộ

1. Chức năng, phạm vi thực hiện của kiểm toán nội bộ:

a. Kiểm toán các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị của công ty và của các đơn vị thành viên;

b. Kiểm toán tuân thủ;

c. Kiểm toán hoạt động.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm toán nội bộ tối đa là 03 (ba) thành viên, các thành viên Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị lựa chọn, bổ nhiệm và lựa chọn trong số đó một (01) thành viên hoặc chỉ định một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban; nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ theo nhiệm kỳ Hội đồng quản trị và không quá năm (05) năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

4. Ban Kiểm toán nội bộ có 3 chức năng: Kiểm tra, xác nhận và đánh giá.

5. Tiêu chuẩn kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a. Có phẩm chất trung thực, khách quan, chưa có tiền án và chưa bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán;
- b. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, Luật kinh tế hoặc quản trị kinh doanh;
- c. Đã công tác thực tế trong lĩnh vực quản lý tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm làm việc tại doanh nghiệp nơi được giao nhiệm vụ kiểm toán viên;
- d. Đã qua huấn luyện về nghiệp vụ kiểm toán, kiểm toán nội bộ theo nội dung chương trình thống nhất của Bộ Tài chính và được cấp chứng chỉ.

6. Bỏ nhiệm, bãi miễn chức danh kiểm toán viên nội bộ

Kiểm toán viên nội bộ do Hội đồng quản trị trực tiếp bổ nhiệm và bãi nhiệm. Kiểm toán viên nội bộ đã bị bãi nhiệm do vi phạm kỷ luật không được bổ nhiệm lại.

7. Ban Kiểm toán nội bộ có các nhiệm vụ sau:

- a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại đơn vị trình cấp quản lý trực tiếp Trưởng kiểm toán nội bộ xem xét, phê duyệt.
- b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
- c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này.
- e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- f. Lập báo cáo kiểm toán;
- g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định.
- h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của đơn vị.
- j. Tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
- i. Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ để các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này để xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
- k. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao hoặc theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ

- a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.

- b. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.
- c. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc đơn vị.
- d. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

9. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ

- a. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Việc lập, phân bổ và giao kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính đối với các đơn vị trực thuộc; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp.
- b. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận, phỏng vấn tất cả Người lao động trong công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.
- c. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.
- d. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của đơn vị.
- e. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- f. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.
- g. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- h. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- j. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất

cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và

Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (*bao gồm ý kiến của kiểm toán viên*), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07(bảy) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế (đặt bên cạnh VCCI) chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ công ty

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 42 trang, có 21 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở chính của công ty , địa chỉ số 256 đường 27 tháng 4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số:/ĐHĐCĐ-2018
ngày / /2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2018)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
4. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
5. Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp);
6. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
9. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;
10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (nếu có);
11. Quy định báo cáo và công bố thông tin

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

- a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
- b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất.
- c. “Điều lệ”: là Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công Ty Cổ Phần Cao su Thống Nhất và sửa đổi, bổ sung và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại thời điểm gần nhất.
- d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.
- đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
- e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34, Điều 6 Luật Chứng Khoán;
- f. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (thành viên không điều hành)” : là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- g. “Thành viên độc lập HĐQT” theo quy định tại khoản 2 - Điều 151 của Luật Doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
- + Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 3 năm liền trước đó.
 - + Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - + Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - + Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - + Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 5 năm liền trước đó”.
- h. "Cán bộ quản lý": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
- i. “Ban điều hành”: là Tổng giám đốc (hoặc Tổng giám đốc điều hành), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Tổng giám đốc điều hành).
- j. Những từ ngữ nào không được giải thích riêng biệt trong quy chế này sẽ được giải thích chi tiết bởi Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị công ty.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại điểm e, f và g khoản 2 Điều 12 của Điều lệ sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty.

b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với người quản trị hoặc thư ký Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến d khoản 3 Điều 12 của Điều lệ theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại Phòng Văn thư- Hành chính trụ sở chính

của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:

a. Website chính thức của Công ty: <http://www.trc.com.vn>

b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

c. Thông cáo báo chí của Công ty;

d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

đ. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi Báo cáo tài chính niên độ được kiểm toán độc lập kiểm toán và gửi báo cáo kiểm toán đến trụ sở của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty triệu tập họp, xem xét và ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Họp Hội đồng quản trị thông qua các công việc, thời gian, địa điểm và nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;

b. Thông báo việc thực hiện ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông gửi Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày chốt quyền .

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

d. Trung tâm lưu ký chứng khoán gửi danh sách chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên qua email và Công ty xác nhận phản hồi. Trung tâm lưu ký chứng khoán gửi bản chính thức.

e. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.

f. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 9. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng Quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

2. Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 14 của Điều lệ thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng.

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại Phòng Văn thư – Hành chính hoặc gửi cho Người phụ trách quản trị công ty tại trụ sở chính của Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng Quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương

trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một(01) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 12. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số chỗ ngồi và hai thẻ biểu quyết : một thẻ “ĐỒNG Ý” màu xanh và một thẻ “KHÔNG ĐỒNG Ý” màu trắng, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành “ THẺ ĐỒNG Ý”, không tán thành “ KHÔNG ĐỒNG Ý” và không có ý kiến “ KHÔNG BIỂU QUYẾT” đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Theo quyết định của ít nhất 65% tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, Chủ tọa phải mời tổ chức trung lập thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề nhạy cảm. Trong trường hợp này, việc kiểm phiếu phải có chứng kiến của ít nhất hai (02) cổ đông trong số những người yêu cầu phải có trung lập kiểm phiếu.

Tổ chức trung lập được mời kiểm phiếu là tổ chức trong nước bất kỳ do Chủ tọa lựa chọn với điều kiện là tổ chức này không phải là người có liên quan của những người có quyền và nghĩa vụ trong vấn đề nhạy cảm mà Đại hội đồng cổ đông đang thảo luận, không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Người có liên quan được xác định theo quy định của khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số cổ phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi bốn(24) giờ **hoặc** gửi đi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Cách thức gửi biên bản và nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông sẽ được Chủ tọa công bố ngay tại Đại hội.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 15. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.

b. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Từ 10% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
- Từ 30% đến dưới 40% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
- Từ 40% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 04 ứng cử viên.
- Từ 50% đến dưới 60% thì được đề cử tối đa 05 ứng cử viên.
- Từ 60% đến dưới 70% thì được đề cử tối đa 06 ứng cử viên.
- Từ 70% đến dưới 80% thì được đề cử tối đa 07 ứng cử viên.
- Từ 80% đến dưới 90% thì được đề cử tối đa 08 ứng cử viên.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b khoản 1 Điều 16 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;

c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử Hội đồng Quản trị: căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.

7. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

8. Khi kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 18. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 (trừ điểm e) Điều 26 của Điều lệ Công ty.

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có thông báo triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo yêu cầu và thời gian quy định trong quy chế này.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp

triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

9. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

10. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người phụ trách quản trị Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 22. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 23. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày làm việc. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 24. Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 25: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Điều 26. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

c. Thời gian, địa điểm họp.

d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.

đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.

h. Các vấn đề đã được thông qua.

i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn ít nhất là mười lăm (15) năm.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 27. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), và trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, và theo quy định tại khoản 1 – Điều 35 của Điều lệ công ty;

d. Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm và phải kinh qua công tác trưởng phòng nghiệp vụ công ty ít nhất hai (02) năm và được Tổng Giám đốc trình Hội Đồng quản trị công ty xem xét, đánh giá xác nhận hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao và phải được ít nhất 80% số thành viên tham dự họp họp lệ của Hội đồng quản trị nhất trí thông qua;

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

d. Phải được ít nhất 80% số thành viên tham dự họp họp lệ của Hội đồng quản trị nhất trí thông qua;

4. Cán bộ quản lý khác (Trưởng, phó phòng ban; Giám đốc, quản đốc các đơn vị trực thuộc, Đội trưởng sản xuất và tương đương)

+ Đối với trưởng, phó phòng:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm và được Tổng giám đốc công ty nhận xét, đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm (05) năm liên tục.

- Được ít nhất 80% số thành viên tham dự họp hợp lệ của Hội đồng quản trị nhất trí thông qua;
- + Đối với Giám đốc, quản đốc các đơn vị trực thuộc, Đội trưởng đội sản xuất và tương đương:
 - Phải có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực sản xuất mà đơn vị đó đang hoạt động ít nhất ban (03) năm;
 - Phải được Tổng Giám đốc công ty đánh giá là đủ năng lực để quản lý điều hành đơn vị trực thuộc thông qua một kỳ thi sát hạch có sự giám sát của Chủ Tịch Hội đồng quản trị công ty;
 - Được tín nhiệm của ít nhất 80% cán bộ quản lý của công ty;
 - Đối với Giám đốc các đơn vị trực thuộc yêu cầu về trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên;
 - Đối với quản đốc và Đội trưởng các đội sản xuất hoặc tương đương yêu cầu về trình độ văn hoá tốt nghiệp lớp 12 (PTTH).

Điều 29. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể đề cử thành viên Hội đồng quản trị ứng cử viên cho vị trí Tổng giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm và xin ý kiến của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước (nếu công ty có vốn nhà nước chi phối trên 50%).

Hồ sơ đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- a. Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- b. Bản kê khai tài sản , thu nhập
- c. Chương trình hành động
- d. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác
- đ. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
- e. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng Quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và xin ý kiến biểu quyết của Chủ sở hữu phần vốn Nhà nước (đối với trường hợp công ty có vốn Nhà

nước chi phối trên 50%) về việc bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và cán bộ quản lý khác (Trưởng, phó phòng ban; Giám đốc các đơn vị trực thuộc, quản đốc Nhà máy chế biến, Đội trưởng sản xuất và tương đương)

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 30. Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh cán bộ quản lý.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối đa là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 31. Bổ nhiệm lại chức vụ của cán bộ quản lý.

1. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (02) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại

- Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;
- Phẩm chất đạo đức tốt;
- Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;
- Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu

Điều 32. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho cán bộ quản lý nêu tại Điều 29 quy chế này. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý khác nếu có uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ công ty (nếu có).

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn

y của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 34. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII

QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch hoặc một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị sử dụng Người phụ trách quản trị công ty Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 36. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, mẫn cán, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 37: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.
2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá hai (02) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại điều 27 Điều lệ này và được thể hiện thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 38. Nhiệm vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty:
- a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;
 - đ. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - e. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;
 - i. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.
 - k. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.
2. Người phụ trách quản trị công ty được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị.

Điều 39. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Cổ đông:

1. Hội đồng quản trị công bố một cách đầy đủ các báo cáo tài chính định kỳ và hàng năm của công ty, cung cấp những thông tin có thể cung cấp cho các cổ đông trên website công ty.
2. Bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty; Tuân thủ trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ công ty;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông; Giải thích rõ ràng và đầy đủ các chất vấn của cổ đông tại các kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên hoặc bất thường; Giải quyết nhanh chóng các khiếu nại của các cổ đông nhất là những khiếu nại liên quan đến tính minh bạch trong quản lý và điều hành của Tổng Giám đốc công ty.

Điều 40. Trách nhiệm báo cáo cho các cổ đông:

Hội đồng quản trị yêu cầu Người Phụ trách quản trị công ty cung cấp và công bố đầy đủ các báo cáo liên quan đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của công ty trên website công ty theo đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán;

Điều 41. Tham gia của Ban kiểm toán nội bộ tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời đại diện Ban kiểm toán nội bộ và Tổng Giám đốc công ty dự họp và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.
2. Trưởng Ban kiểm toán nội bộ có thể tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về sự tham dự của mình.

Điều 42. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này (người được ủy quyền dự họp là đại diện cho người ủy quyền là thành viên Hội đồng quản trị) và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 43. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại khoản 3,4 Điều 35 của Điều lệ Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 45. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người quyết định về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án thực hiện kế hoạch sản xuất- kinh doanh, đầu tư để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị và các cổ đông bằng văn bản đồng thời phải chịu mọi trách nhiệm đối với quyền từ chối này kể cả việc bồi thường mọi thiệt hại phát sinh từ việc từ chối này.

3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu mọi trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và trình báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.

5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục trong vòng 02(hai) năm và không xây dựng được phương án khắc phục tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

MỤC 3: BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 46. Thành lập và hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ..

1. Số lượng thành viên Ban kiểm toán nội bộ tối đa là 03(ba) thành viên, các thành viên Ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị lựa chọn, bổ nhiệm và chỉ định trong số đó một (01) trưởng ban hoặc Hội đồng quản trị chỉ định 01 thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban; nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ theo nhiệm kỳ Hội đồng quản trị và không quá năm (05) năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

3. Tiêu chuẩn kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a. Có phẩm chất trung thực, khách quan, chưa có tiền án và chưa bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán;

b. Đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, luật kinh tế hoặc quản trị kinh doanh;

c. Đã công tác thực tế trong lĩnh vực quản lý tài chính, kế toán từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất có 3 năm làm việc tại doanh nghiệp nơi được giao nhiệm vụ kiểm toán viên;

d. Đã qua huấn luyện về nghiệp vụ kiểm toán, kiểm toán nội bộ theo nội dung chương trình thống nhất của Bộ Tài chính và được cấp chứng chỉ.

4. Bổ nhiệm, bãi miễn chức danh kiểm toán viên nội bộ

Kiểm toán viên nội bộ do Hội đồng quản trị trực tiếp bổ nhiệm và bãi nhiệm. Kiểm toán viên nội bộ đã bị bãi nhiệm do vi phạm kỷ luật không được bổ nhiệm lại.

Kiểm toán viên nội bộ tuyệt đối không được đảm đương trách nhiệm điều hành, hay chức danh quản lý kinh doanh ở công ty từ cấp trưởng, phó phòng trở lên.

5. Ban Kiểm toán nội bộ có 3 chức năng: Kiểm tra, xác nhận và đánh giá.

6. Ban Kiểm toán nội bộ có các nhiệm vụ sau:

a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại đơn vị trình cấp quản lý trực tiếp Trưởng kiểm toán nội bộ xem xét, phê duyệt.

b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.

c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này.

e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

f. Lập báo cáo kiểm toán;

g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định.

h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của đơn vị.

j. Tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

i. Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ để các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này để xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện các nhiệm vụ khác do các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 của Quy chế này giao hoặc theo quy định của pháp luật.

7. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ

a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị.

b. Chịu trách nhiệm trước các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ.

c. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận thuộc đơn vị.

d. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

8. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ

a. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: Việc lập, phân bổ và giao kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính đối với các đơn vị trực thuộc; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược đối với doanh nghiệp.

b. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận, phỏng vấn tất cả Người lao động trong công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán.

c. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ.

d. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của đơn vị.

e. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.

f. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán.

g. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ.

- h. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt.
- j. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.

Điều 47. Cuộc họp của Ban Kiểm toán nội bộ.

Ban kiểm toán nội bộ họp ít nhất mỗi năm 2 lần : Lần đầu họp vào đầu quý 1 hàng năm để xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ; Lần thứ hai họp vào cuối quý 4 hàng năm để tổng kết, đánh giá công tác kiểm toán nội bộ đã thực hiện trong năm .

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có thể tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Toán nội bộ.

Điều 48. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

1. Căn cứ mục tiêu, chính sách, quy mô, mức độ rủi ro của các hoạt động và nguồn lực hiện có, Trưởng kiểm toán nội bộ xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, bao gồm phạm vi kiểm toán, đối tượng kiểm toán, các mục tiêu kiểm toán, thời gian kiểm toán và việc phân bổ các nguồn lực.

2. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm của đơn vị phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Định hướng theo mức độ rủi ro: những nghiệp vụ/bộ phận điều hành, tác nghiệp có rủi ro cao phải được kiểm toán ít nhất mỗi năm một lần;

b) Đảm bảo tính toàn diện: tất cả các quy trình nghiệp vụ, các bộ phận điều hành, tác nghiệp của đơn vị đều được kiểm toán; các quy trình, bộ phận được đánh giá là có rủi ro thấp nhất cũng phải được kiểm toán ít nhất 02 năm một lần;

c) Phải dự phòng quỹ thời gian đủ để thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất ngay khi có yêu cầu hoặc khi có các thông tin về dấu hiệu sai phạm, dấu hiệu rủi ro cao ở các đối tượng kiểm toán;

d) Có thể được điều chỉnh khi có thay đổi cơ bản về quy mô hoạt động, diễn biến rủi ro hay nguồn lực hiện có.

Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm của đơn vị có thể được điều chỉnh khi có thay đổi cơ bản về quy mô hoạt động, diễn biến rủi ro hay nguồn lực hiện có.

3. Kế hoạch kiểm toán nội bộ cho năm tới phải được gửi cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận khác theo quy định của Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

4. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm toán:

Hội đồng quản trị sau khi thảo luận về thời gian kiểm toán với Tổng Giám đốc để phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

Điều 49. Báo cáo kiểm toán

1. Bộ phận kiểm toán nội bộ của đơn vị phải kịp thời lập, hoàn thành và gửi báo cáo kiểm toán cho:

- a. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ;

b. Các bộ phận khác theo quy định của Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

2. Báo cáo kiểm toán phải trình bày rõ: nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán; những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này; các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, các ý kiến giải trình của đối tượng kiểm toán; kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm; đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến quy trình nghiệp vụ; hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức của đơn vị (nếu có).

3. Báo cáo kiểm toán phải có ý kiến của ban lãnh đạo bộ phận được kiểm toán. Trong trường hợp bộ phận được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của bộ phận được kiểm toán và lý do.

4. Báo cáo kiểm toán hàng năm: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng kiểm toán nội bộ phải gửi báo cáo kiểm toán hàng năm là báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của năm trước cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của năm trước phải nêu rõ: kế hoạch kiểm toán đã đề ra; công việc kiểm toán đã được thực hiện; tồn tại, sai phạm lớn đã được phát hiện; biện pháp mà kiểm toán nội bộ đã kiến nghị; đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến hoạt động được kiểm toán và đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; tình hình thực hiện các biện pháp, kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

Điều 50. Báo cáo đột xuất và tham vấn chuyên môn

Bộ phận kiểm toán nội bộ báo cáo đột xuất trong các trường hợp sau:

1. Trường hợp phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc khi nhận thấy có nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của đơn vị bộ phận kiểm toán nội bộ của đơn vị phải báo cáo ngay cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này.

2. Thông báo kịp thời cho người đứng đầu bộ phận được kiểm toán nếu các tồn tại nêu trong báo cáo kiểm toán không được sửa chữa và khắc phục kịp thời sau một khoảng thời gian hợp lý đã quy định.

3. Sau khi đã thông báo cho người đứng đầu bộ phận được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều này, nếu các tồn tại vẫn chưa được sửa chữa và khắc phục, phải báo cáo kịp thời bằng văn bản cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này.

4. Trong quá trình kiểm toán, Trưởng kiểm toán nội bộ có thể trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị để được tham vấn..

Điều 51. Lưu hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ

1. Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản, lưu theo trình tự để các cá nhân, tổ chức (có trình độ chuyên môn và hiểu biết về hoạt động của đơn vị) có thẩm quyền khai thác có thể hiểu được các công việc, kết quả thực hiện cuộc kiểm toán.

2. Báo cáo kiểm toán và hồ sơ, tài liệu kiểm toán phải được lưu tại bộ phận kiểm toán nội bộ.

Điều 52. Đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ

1. Ban Kiểm toán nội bộ phải tiến hành đánh giá nội bộ đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ để đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.

Đánh giá nội bộ đối với hoạt động kiểm toán nội bộ là việc tự đánh giá lại hoạt động kiểm toán nội bộ vào cuối cuộc kiểm toán và việc tự đánh giá lại hàng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ do chính bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ.

2. Kết quả đánh giá nội bộ hàng năm phải được báo cáo cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này được ghi nhận trong báo cáo kiểm toán nội bộ thường niên.

3. Hội đồng quản trị có thể thuê tổ chức bên ngoài có chuyên môn để đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.

Điều 53. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các bộ phận được kiểm toán và Ban Kiểm toán nội bộ

1. Hội đồng Quản trị:

a. Ban hành quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;

b. Quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng kiểm toán nội bộ và các chức danh khác của kiểm toán nội bộ.

c. Tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo bộ phận kiểm toán nội bộ hoàn thành các nhiệm vụ;

d. Quyết định việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ; đôn đốc, theo dõi các bộ phận thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ;

e. Quyết định cơ chế tiền lương, thưởng, phụ cấp cho bộ phận kiểm toán nội bộ và cán bộ của bộ phận này theo thẩm quyền.

f. Các trách nhiệm khác đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc :

a. Tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định của quy chế về kiểm toán nội bộ.

b. Đôn đốc các đơn vị, các bộ phận thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với bộ phận kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị; thông báo cho bộ phận kiểm toán nội bộ tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với bộ phận kiểm toán nội bộ;

c. Đảm bảo bộ phận kiểm toán nội bộ được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của đơn vị nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.

d. Các trách nhiệm khác đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

3. Các bộ phận, đơn vị được kiểm toán

a. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của bộ phận kiểm toán nội bộ một cách trung thực, chính xác, không được che giấu thông tin.

b. Thông báo ngay cho bộ phận kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản, hoặc nguy cơ thất thoát tài sản.

c. Thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với bộ phận kiểm toán nội bộ hoặc theo chỉ đạo của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Quy chế này.

d. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để bộ phận kiểm toán nội bộ làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

e. Các trách nhiệm khác đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CÔNG TY

Điều 54. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm toán nội bộ và báo cáo Hội đồng quản trị xem xét.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý và kiểm tra đánh giá nhân viên trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c. Hoàn thành nhiệm vụ

d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 55. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, người quản lý, điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 54.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 56. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và Quy chế của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và nội quy, quy chế của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 57. Thành lập, nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị

quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

+ Tiểu ban nhân sự, Tiểu Ban lương, thưởng phải có ít nhất một(01) thành viên độc lập làm trưởng tiểu ban;

+ Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên;

+ Trong trường hợp không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương, thưởng và nhân sự.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty

3. Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

4. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

6. Thành viên bên ngoài được biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban.

Điều 58. Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban

1. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

2. Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 59. Nhiệm vụ của các Tiểu ban

1. Tiểu ban chính sách phát triển có trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển chung của công ty.

2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ xây dựng quy trình và giám sát các hoạt động tài chính của công ty.

3. Tiểu ban nhân sự có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và quy trình quản lý nhân sự cấp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cấp quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.

4. Tiểu ban lương thưởng có nhiệm vụ xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cấp quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.

5. Hội đồng quản trị cũng có thể xem xét thành lập thêm một số Tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết.

CHƯƠNG X

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 61. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật và chứng khoán và thị trường chứng khoán
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu(06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 62. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính
 - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin
 2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin là người phụ trách quản trị công ty công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm
 3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
-

CHƯƠNG XI

CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 63. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Xử lý vi phạm

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Hiệu lực và Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại Hội đồng cổ đông thông qua và Chủ Tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng, ban, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể Người lao động toàn Công ty.

Quy chế này bao gồm 65 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 biểu quyết nhất trí thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2018. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH